

Bản án số: **227/2019/HS-PT**

Ngày: 31/12/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Minh Long**

Các Thẩm phán: Bà **Dương Thị Hồng Minh**

Ông **Phan Vĩnh Chuyển**

Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Tuyết Mai** - Thư ký Tòa án nhân dân Tp. Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông **Lương Hồng Minh** - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm C khai vụ án hình sự thụ lý số: 174/2019/TLPT-HS ngày 02 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Tấn B và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Tp. Đà Nẵng đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 57/2019/HS-ST ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Các bị cáo bị kháng nghị:

1. NGUYỄN TẤN B, sinh ngày 08/3/1983; nơi sinh: Quảng Nam; nơi ĐKKHKT: chỗ ở: Số 33F/1B Khu phố Đồng An 1, B Hòa, Thuận An, B Dương; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tấn Đông (s) và bà Trần Thị Kim Châu (s); gia đình có 05 người con bị cáo là con thứ ba; vợ Nguyễn Thị Kim Phụng, sinh năm 1990 có 02 con, con lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 12/11/2018.

2. NGUYỄN TẤN C, sinh ngày 05/4/1991; nơi sinh: Quảng Nam; nơi ĐKKHKT: thôn Xuân Thái Đông, B Định Bắc, Thăng B, Quảng Nam; chỗ ở: số 45 đường Tú Mỡ, phường Hòa An, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tấn Tứ (s) và bà Nguyễn Thị Châu (s); gia đình có 03 người

con bị cáo là con đầu; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29/6/2018.

3. NGUYỄN VĂN T, sinh ngày: 25/10/1973; nơi sinh: Đà Nẵng; nơi ĐKHKTT, chỗ ở: tổ 80, phường Hòa An, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Buôn Bán; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Bộ (s) và bà Nguyễn Thị Toàn (s); gia đình có 03 người con bị cáo là con đầu; vợ Phạm Thị Sen, sinh năm 1979 có 02 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29/6/2018 đến ngày 29/12/2019; hiện đang tại ngoại.

4. TRẦN C C, sinh ngày 10/11/1991; nơi sinh: Quảng Nam; nơi ĐKHKTT, chỗ ở: thôn Phú Tây, Điện Quang, Điện Bàn, Quảng Nam; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần C Ninh (s) và bà Nguyễn Thị Thu (s); gia đình có 02 người con bị cáo là con đầu; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29/6/2018 đến ngày 30/10/2019, hiện đang tại ngoại.

Các bị cáo có kháng cáo:

5. TRẦN ĐÌNH C, sinh ngày 20/3/1989; nơi sinh: Quảng Nam; nơi ĐKHKTT: An Tây, Quế Thọ, Hiệp Đức, Quảng Nam; chỗ ở: Số 97 Lê Ngân, phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Thiết kế xây dựng; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đình Đồng (s) và bà Nguyễn Thị Kim Xuân (s); gia đình có 04 người con bị cáo là con út; tiền án, tiền sự: không; hiện đang tại ngoại.

6. HỒ TẤN T, sinh ngày 02/3/1986; nơi sinh: Quảng Nam; nơi ĐKHKTT: thôn 1, Thái Sơn, Điện Tiến, Điện Bàn, Quảng Nam; chỗ ở: Nhơn Hòa 5, phường Hòa An, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Nhân viên kỹ thuật máy tính; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Tấn Nghĩa (c) và bà Nguyễn Thị Sáu (s); gia đình có 07 người con bị cáo là con út; vợ Nguyễn Mai Sương, sinh năm 1987 có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không; hiện đang tại ngoại.

7. PHAN HỮU T, sinh ngày 10/6/1982; nơi sinh: Nghệ An; nơi ĐKHKTT, chỗ ở: xóm 20, xã Xuân Lâm, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Hữu Hóa (s) và bà Nguyễn Thị Ngũ (s); gia đình có 03 người con bị cáo là con đầu; tiền án, tiền sự: không; hiện đang tại ngoại.

8. TRẦN NGỌC Đ, sinh ngày 15/11/1974; nơi sinh: Đà Nẵng; nơi ĐKHKTT, chỗ ở: tổ 46, phường Hòa An, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Nhân viên C ty dược phẩm; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Ngọc Kính (s) và bà Nguyễn Thị Thiệt (s); gia đình có 06 người con bị cáo là con út; vợ Nguyễn Hoàng Thy Vân, sinh năm 1978, có 02 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: không; hiện đang tại ngoại.

9. PHẠM DIỆU T, sinh ngày 07/7/1991; nơi sinh: Quảng B; nơi ĐKKHKT: xã Quảng Trung, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng B; Tạm trú: tổ 233 phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Sỹ Nguyên (s) và bà Hồ Thị Lan (s); gia đình có 04 người con bị cáo là con thứ 2; vợ Dương Thị Thanh, sinh năm 1989, có 01 con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không; hiện đang tại ngoại.

(Các bị cáo đều có mặt tại phiên tòa)

* Người được Tòa án triệu tập đến phiên tòa phúc thẩm: Bị án **LÊ THÀNH L**, sinh ngày 08/3/1990; nơi sinh: B Định; nơi ĐKKHKT: Khánh Hòa, Nhơn Khánh, An Nhơn, B Định; chỗ ở: Hẻm 1, Nguyễn Khuyến, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Hành vi tổ chức đánh bạc của Nguyễn Tấn B, Nguyễn Tấn C, Nguyễn Văn T và Trần C C

1.1 Hành vi tổ chức đánh bạc của Nguyễn Tấn B

Vào năm 2017, thông qua giới thiệu của một người tên Sáng (chưa rõ nhân thân, lai lịch), Nguyễn Tấn B nhận mạng cá độ từ một người tên Thắng (chưa rõ nhân thân, lai lịch) để tổ chức cá độ bóng đá qua mạng internet. Trong khoảng thời gian từ tháng 11 năm 2017 đến ngày 26/8/2018, Nguyễn Tấn B giao cho Nguyễn Tấn C (là cháu họ của B) tổng cộng 04 con mạng có tên là SD51033001, SD1WA140002, SD051077002 và SD1WA500 để C tổ chức cá độ bóng đá tại quán cà phê của mình ở địa chỉ 45 Tú Mỡ, phường Hòa An, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Theo đó, từ tháng 11 năm 2017 đến tháng 5 năm 2018, Nguyễn Tấn C nhận các con mạng SD51033001, SD1WA140002, SD051077002 để tổ chức ghi cá độ bóng đá là khách tại quán cà phê của mình ở địa chỉ 45 Tú Mỡ, thuộc phường Hòa An, quận Cẩm Lệ.

Đến giữa tháng 6 năm 2018, trong thời gian diễn ra giải đấu bóng đá vô địch thế giới (Worldcup), để thu lợi nhiều hơn từ việc tổ chức đánh bạc, C trả lại B 03 con mạng nói trên, không truy cập nữa và được B giao con mạng tổng SD1WA500, tài khoản 1000USD, quy ước 1USD=20.000 đồng. Từ con mạng này, C tạo ra 13 con mạng con gồm: SD1WA500001, SD1WA500002, SD1WA500003, SD1WA500004, SD1WA500006, SD1WA500007, SD1WA500009, SD1WA500010, SD1WA500011, SD1WA500012, SD1WA500013, SD1WA500014, SD1WA500015. Sau khi tạo mạng, C giao lại 09 con mạng cho 08 người nhận mạng cá độ là Trần Đình C, Hồ Tấn T, Phan Hữu T, Trần Ngọc Đ, Phạm Diệu T, Võ Ngọc Trung, Chinh, Lý (03 đối tượng này chưa xác định được

nhân thân, lai lịch) và giữ lại 04 con mạng là SD1WA500002, SD1WA500007, SD1WA500012, SD1WA500013 để ghi tỷ số cá độ đá bóng cho các con bạc tại quán cà phê và cân đối tỷ lệ cá độ. Trong đó, con mạng SD1WA500002 dùng để ghi cá độ từ ngày 26/5/2018 đến 28/6/2018, con mạng SD1WA500007 C dùng để ghi cá độ trong ngày 12/6/2018, sau đó không dùng nữa, tiếp tục sử dụng 02 con mạng là SD1WA500012, SD1WA500013 để ghi cá độ đá bóng. C sử dụng máy tính xách tay hiệu Asus để theo dõi việc cá độ bóng đá.

Hàng tuần, số tiền thắng thua từ việc cá độ, C và B sẽ xác nhận số tiền thắng, thua và tiền hoa hồng vào thứ hai bằng tin nhắn điện thoại. B dùng điện thoại Iphone 5 gắn sim số 0981052080 và điện thoại Nokia gắn sim số 0977994116 để liên lạc với C. C sử dụng điện thoại Oppo gắn sim số 0936534776 và 01222008204. Sau khi thống nhất số tiền thắng, thua, hoa hồng, B và C sử dụng tài khoản ngân hàng để giao dịch chuyển tiền cho nhau. B sử dụng tài khoản số 6100205414943 mang tên Nguyễn Tấn B và tài khoản ngân hàng số 6100205225456 mang tên Nguyễn Thị Kim Phượng (sinh năm 1990, là vợ của B) mở tại ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn (Agribank) chi nhánh Thủ Đức, C sử dụng tài khoản số 05911000317501 mang tên Nguyễn Tấn C mở tại ngân hàng T mại cổ phần ngoại T Việt Nam (Vietcombank) chi nhánh Hưng Yên. Ngoài ra, có 03 lần C nhờ Trần Quốc Đại chuyển tiền cho B thông qua dịch vụ internet banking của Đại.

Qua đối chiếu tin nhắn điện thoại và sao kê tài khoản số 6100205414943 của Nguyễn Tấn B tài khoản số 05911000317501 của Nguyễn Tấn C, xác định: Trong thời gian từ tháng 11 năm 2017 đến ngày 20 tháng 3 năm 2018, thông qua việc tổ chức đánh bạc từ con mạng SD51033001, SD1WA140002 và SD051077002, B chuyển cho C số tiền là 514.220.000 đồng, C chuyển cho B số tiền là 70.680.000 đồng. Đây là tiền dùng để đánh bạc, B thắng cá độ số tiền là 443.340.000 đồng. Đối với việc tổ chức đánh bạc từ con mạng SD1WA500, C chuyển cho B số tiền là 299.900.000 đồng, B chuyển cho C số tiền là 86.140.000 đồng. Đây là tiền dùng để đánh bạc, B thắng cá độ số tiền là 213.760.000 đồng.

Như vậy, số tiền Nguyễn Tấn B thu lợi bất chính từ việc tổ chức đánh bạc là: 443.340.000 đồng + 213.760.000 đồng = 657.100.000 đồng. Quá trình điều tra, B khai nhận trong số tiền này, B giữ lại 123.857.000 đồng, số tiền còn lại B nhiều lần giao nhận trực tiếp với Thắng tại các quán cà phê trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, tuy nhiên, B không chứng minh được việc đã chuyển tiền cho Thắng. Do đó, hoàn toàn có cơ sở để xác định tổng số tiền mà B thu lợi bất chính thông qua việc tổ chức cá độ bóng đá qua mạng là 657.100.000 đồng.

Chiếc điện thoại Iphone 5 B đã vứt bỏ nên CQĐT không thu giữ được.

1.2 Hành vi tổ chức đánh bạc của Nguyễn Tấn C, Nguyễn Văn T và Trần C C

1.2.1 Hành vi tổ chức đánh bạc của Nguyễn Tấn C

Vào tháng 11 năm 2017 đến tháng 5 năm 2018, Nguyễn Tấn C nhận các con mạng SD51033001, SD1WA140002 và SD051077002 để tổ chức ghi cá độ đá bóng tại số 45 Tú Mỡ, Hòa An, Cẩm Lệ. Đối chiếu tin nhắn và dữ liệu sao kê ngân hàng

xác định C tổ chức cá độ thông qua 03 con mạng này là 514.220.000 đồng, trong đó C thu lợi bất chính 6.000.000 đồng (1).

Vào tháng 6 năm 2018, C nhận con mạng SD1WA500, chia thành 13 con mạng và giao lại 09 con mạng cho 08 người nhận mạng cá độ. Cụ thể quá trình tổ chức cá độ và cá độ thực hiện như sau:

- Giao mạng cho Trần Đình C

Trần Đình C trực tiếp sử dụng con mạng **SD1WA00001**, mật khẩu truy cập là “so7mayman”, tài khoản 2000 USD, quy ước 1USD=25.000 đồng để tham gia cá độ bóng đá. Trong thời gian từ ngày 26/5/2018 đến ngày 22/6/2018, C sử dụng máy tính xách tay truy cập vào trang mạng www.bong88.com, tham gia cá độ tổng cộng 37 trận có số tiền dùng để cá độ từ 5.000.000 đồng trở lên, trong đó có 09 trận có số tiền dùng để cá độ từ 50.000.000 đồng trở lên. Số tiền cá độ trận thấp nhất là 5.250.000 đồng, cao nhất là 95.750.000 đồng. Tổng số tiền dùng để đánh bạc là 807.350.000 đồng, C thắng số tiền 287.587.500 đồng.

Như vậy, số tiền C tổ chức đánh bạc cho C là 807.350.000 đồng + 287.587.500 đồng = 1.094.937.500 đồng.

Số tiền Tiền thắng, thua từ việc cá độ C sẽ trực tiếp giao cho Nguyễn Tấn C tại quán cà phê số 45 Tú Mỡ vào thứ hai hàng tuần.

Máy tính xách tay C dùng làm phương tiện phạm tội đã bị hư nên C đã bán phế liệu, Cơ quan điều tra không thu giữ được.

- Giao mạng cho Hồ Tấn T

Hồ Tấn T trực tiếp sử dụng con mạng **SD1WA00011**, mật khẩu đăng nhập là “Tu511510” là tài khoản 200 USD, quy ước 1USD=30.000 đồng để tham gia cá độ bóng đá. Trong thời gian từ ngày 14/6/2018 đến ngày 28/6/2018, T sử dụng điện thoại Iphone 6plus, gắn sim số 0935.526.438 truy cập vào trang mạng www.bong88.com, tham gia cá độ tổng cộng 12 trận có số tiền dùng để cá độ từ 5.000.000 đồng trở lên. Số tiền cá độ trận thấp nhất là 5.100.000 đồng, cao nhất là 9.210.000 đồng. Số tiền T dùng để đánh bạc là 52.230.000 đồng, T thắng số tiền 30.747.000 đồng.

Như vậy, số tiền C tổ chức đánh bạc cho T là 52.230.000 đồng + 30.747.000 đồng = 82.997.000 đồng.

Số tiền thắng, thua từ việc cá độ T sẽ trực tiếp giao cho Nguyễn Tấn C tại quán cà phê số 45 Tú Mỡ vào thứ hai hàng tuần.

Ngoài ra, Hồ Tấn T còn nhận 01 con mạng có tên **SD1WA00014**, mật khẩu đăng nhập là “511510”, tài khoản 1.000USD, quy ước 1USD=30.000 đồng cho một người bạn tên Võ Ngọc Trung (sinh năm 1983, trú phường Mỹ An, Ngũ Hành Sơn) để sử dụng vào việc cá độ bóng đá. Tuy nhiên, Cơ quan điều tra xác minh không có người tên Trung cư trú ở địa chỉ trên.

Cơ quan điều tra đã thu giữ chiếc điện thoại Iphone 6plus của T, gắn sim số 0935.526.438.

- Giao mạng cho Phan Hữu T

Phan Hữu T trực tiếp sử dụng con mạng **SD1WA00010**, mật khẩu đăng nhập là “Tien1234” là tài khoản 150 USD, quy ước 1USD=40.000 đồng. Trong thời gian từ ngày 08/6/2018 đến ngày 28/6/2018, Tiến sử dụng điện thoại Iphone 6, gắn sim số 0988.123.833 truy cập vào trang mạng www.bong88.com, tham gia cá độ tổng cộng 12 trận có số tiền dùng để cá độ từ 5.000.000 đồng trở lên. Số tiền cá độ thấp nhất là 5.340.000 đồng, cao nhất là 10.281.000 đồng. Số tiền Tiến dùng để đánh bạc là 51.640.000 đồng, Tiến thắng số tiền 26.462.600 đồng.

Như vậy, số tiền C tổ chức đánh bạc cho Tiến là 51.640.000 đồng + 26.462.600 đồng = 78.102.600 đồng.

Số tiền thắng, thua từ việc cá độ Tiến sẽ trực tiếp giao cho Nguyễn Tấn C tại quán cà phê số 45 Tú Mỡ hoặc chuyển khoản qua ngân hàng.

Chiếc điện thoại Iphone 6 Tiến dùng làm phương tiện phạm tội đã bị hư nên Tiến đã vứt bỏ, Cơ quan điều tra không thu giữ được, sim điện thoại 0988.123.833 Tiến đã trả cho nhà mạng Viettel, hiện nay do người khác sử dụng.

- Giao mạng cho Trần Ngọc Đ

Trần Ngọc Đ trực tiếp sử dụng con mạng **SD1WA00006**, mật khẩu đăng nhập là “cccc1234” là tài khoản 400 USD, quy ước 1USD=25.000 đồng. Đức sử dụng điện thoại Samsung, gắn sim số 0903.555.825 truy cập vào trang mạng www.bong88.com từ ngày 25/5/2018 đến ngày 23/6/2018, Đức tham gia cá độ tổng cộng 06 trận có số tiền dùng để cá độ từ 5.000.000 đồng trở lên. Số tiền cá độ thấp nhất là 5.095.000 đồng, cao nhất là 5.784.000 đồng. Số tiền Đức dùng để đánh bạc là 22.175.000 đồng, Đức thắng số tiền 10.544.500 đồng.

Như vậy, số tiền C tổ chức đánh bạc cho Đức là 22.175.000 đồng + 10.544.500 đồng = 32.719.500 đồng.

Đến ngày 24/6/2018, do con mạng SD1WA00006 bị nghẽn mạng không truy cập được nữa nên Đức lấy con mạng **SD1WA00015** để tiếp tục việc cá độ bóng đá với 15 trận bóng, tuy nhiên không có trận nào có số tiền cá độ từ 5.000.000 đồng trở lên. Số tiền thắng, thua từ việc cá độ Đức sẽ trực tiếp giao cho Nguyễn Tấn C tại quán cà phê số 45 Tú Mỡ định kỳ 03 ngày/1 lần.

Chiếc điện thoại Samsung Đức dùng làm phương tiện phạm tội đã bị hư nên Đức đã vứt bỏ, Cơ quan điều tra không thu giữ được.

- Giao mạng cho Phạm Diệu T

Phạm Diệu T trực tiếp sử dụng con mạng **SD1WA00004**, mật khẩu đăng nhập là “Tri0899852611” là tài khoản 200 USD, quy ước 1USD=25.000 đồng. Trị sử dụng điện thoại Oppo, gắn sim số 0899852611 truy cập vào trang mạng www.bong88.com để tham gia cá độ bóng đá từ tháng 3/2018 đến ngày 24/6/2018, tổng cộng 01 trận có số tiền dùng để cá độ từ 5.000.000 đồng trở lên. Tổng số tiền Trị sử dụng vào việc cá độ là 5.375.000 đồng, thắng số tiền 2.175.000 đồng.

Như vậy, số tiền C tổ chức đánh bạc cho Trị là 7.550.000 đồng.

Số tiền thắng, thua từ việc cá độ Trị sẽ trực tiếp giao cho Nguyễn Tấn C tại quán cà phê số 45 Tú Mỡ vào thứ hai hàng tuần.

Cơ quan điều tra đã thu giữ chiếc điện thoại Oppo gắn sim số 0899852611.

- **Giao mạng cho người tên Chinh:**

C giao con mạng SD1WA500003 cho người tên Chinh (chưa rõ nhân thân, lai lịch), đối chiếu dữ liệu trích xuất từ máy tính thể hiện Chinh dùng con mạng này tham gia cá cược số tiền 83,742 USD, thua 3.326,46 USD. Tuy nhiên, hiện nay chưa xác định được người tên Chinh nên CQĐT chưa thể tiến hành làm việc được.

- **Giao mạng cho người tên Lý**

C giao con mạng SD1WA500009 cho người tên Lý (chưa rõ nhân thân, lai lịch), đối chiếu dữ liệu trích xuất từ máy tính thể hiện Lý dùng con mạng này tham gia cá cược số tiền 696 USD, thắng 86,89 USD. Tuy nhiên, hiện nay chưa xác định được người tên Lý nên CQĐT chưa thể tiến hành làm việc được.

- **Giao mạng cho Võ Ngọc Trung**

C giao con mạng SD1WA500014 cho Trung (chưa rõ nhân thân, lai lịch), đối chiếu dữ liệu trích xuất từ máy tính thể hiện Trung dùng con mạng này tham gia cá cược số tiền 640 USD, thắng 502.10 USD. Tuy nhiên, hiện nay chưa xác định được người tên Trung nên CQĐT chưa thể tiến hành làm việc được.

Như vậy, Nguyễn Tấn C tổ chức đánh bạc bằng con mạng tổng SD1WA500 với tổng số tiền là: 1.094.937.500 đồng + 82.997.000 đồng + 78.102.600 đồng + 32.719.500 đồng + 7.550.000 đồng = 1.296.306.000 đồng.

Tiến hành trích sao tài liệu trong máy tính Asus của C các định số tiền C thu lợi bất chính từ việc tổ chức đánh bạc từ con mạng SD1WA500 là 266.62 (Tong đương với số tiền 5.332.400 đồng) (2)

Ngoài ra, thông qua việc C theo nhà cái từ 5.000 đồng/USD đến 10.000 đồng/USD để hưởng tiền chênh lệch, đối chiếu thắng thua từ các con mạng do Trần Đình C, Phạm Diệu T, Trần Ngọc Đ, Phan Hữu T, Hồ Tấn T, Trung, Chinh sử dụng, xác định số tiền C hưởng thu lợi, cụ thể là:

- Đối với con mạng do Trần Đình C sử dụng, C thỏa thuận 1USD = 25.000 đồng (Theo thêm 5000 đồng/1USD), C thua 3545,24 USD, C thu lợi số tiền là 17.726.200 đồng.

- Đối với con mạng do Phạm Diệu T sử dụng, ban đầu C thỏa thuận 1USD = 25.000 đồng (Theo thêm 5000 đồng/1USD), Trị thua 260,66 USD, C thu lợi số tiền 1.303.300 đồng. Sau đó C tiếp tục thỏa thuận với Trị 1USD = 40.000 đồng (Theo thêm 20.000 đồng/1USD) thì Trị thua 105,14USD, C thu lợi số tiền là 2.102.800 đồng. Kết quả C thu lợi được 3.406.100 đồng từ việc con mạng của Trị.

- Đối với con mạng do Trần Ngọc Đ sử dụng, C thỏa thuận 1USD = 25.000 đồng (Theo thêm 5000 đồng/1USD). Kết quả Đức thua 131,44 USD, C thu lợi số tiền là 657.200 đồng. Đối với con mạng SD1WA500015, quy ước 1USD = 30.000 đồng (Theo thêm 10.000 đồng/1USD). Kết quả Đức thắng 75,53 USD, C thua số tiền 755.300 đồng.

- Con mạng do Phan Hữu T sử dụng, C thỏa thuận 1USD = 40.000 đồng (Theo thêm nhà cái 20.000 đồng/1USD). Kết quả Tiến thua 487,54 USD, C thu lợi số tiền là 9.750.800 đồng.

- Đối với con mạng SD1WA500011 cho Hồ Tấn T sử dụng, C thỏa thuận 1USD = 30.000 đồng (Theo thêm 10.000 đồng/1USD). Kết quả T thua 324,42 USD, C thu lợi số tiền là 3.244.200 đồng.

- Đối với con mạng do Chinh sử dụng, C thỏa thuận 1USD = 25.000 đồng (Theo thêm 5000 đồng/1USD), Chinh thua 3326,46 USD, C thu lợi số tiền là 16.632.300 đồng.

- Con mạng tên Võ Ngọc Trung sử dụng, C thỏa thuận 1USD = 30.000 đồng (Theo thêm 10.000 đồng/1USD). Kết quả Trung thắng 502,1 USD, C thua số tiền là 5.021.000 đồng.

Như vậy, thông qua việc ăn theo nhà cái, C thu lợi tổng cộng 17.726.200 đồng + 3.406.100 đồng + 657.200 đồng + 9.750.800 đồng + 3.244.200 đồng + 16.632.300 đồng - 755.300 đồng - 5.021.000 đồng = 45.640.500 đồng (3).

1.2.2 Hành vi tổ chức đánh bạc của Nguyễn Văn T và Trần C C

Cũng trong thời gian diễn ra các trận đấu Worlcup, Nguyễn Văn T thấy C có mạng cá độ và muốn kiếm tiền thu lợi bất chính từ việc tổ chức cá độ bóng đá nên Nguyễn Văn T bàn bạc với C về việc cùng nhau tổ chức ghi cá độ bóng đá tại quán của C. Đến ngày 24/6/2018, Nguyễn Văn T rủ Trần C C là nhân viên trong quán cà phê của T đến quán của C để ghi tỷ số cá độ cho các con bạc tại quán. T, C, C phân chia nhiệm vụ, trước khi bắt đầu và trong suốt quá trình diễn ra một trận bóng, C sẽ mở máy tính lên, trong đó hiện tỷ lệ kèo do nhà cái quy định, T hoặc C sẽ nhìn vào tỷ lệ đó để thông báo cho con bạc biết, rồi T hoặc C sẽ ghi tỷ lệ cá độ của các con bạc vào cuốn sổ và thu tiền, C làm nhiệm vụ nhập các tỷ lệ cá độ vào các con mạng để thực hiện việc cá cược với mạng tổng, tất cả các dữ liệu cá cược này đều chuyển về mạng tổng. Khi C bận việc thì C sẽ là người ghi tỷ lệ cá độ và T sẽ nhập vào mạng.

Kết thúc mỗi trận đấu, C và T cùng nhau tính số tiền thắng thua của các con bạc trong sổ cá độ rồi chia số tiền thu lợi theo tỷ lệ 50:50. Tức là nếu thắng cược thì C đưa trước 50% số tiền thắng cho T và C sẽ lấy lại tiền từ B, còn nếu thua cược thì T sẽ đưa cho C 50% số tiền thua và C bỏ thêm 50% số tiền và chuyển trả lại cho B.

Quá trình điều tra chứng minh được từ con mạng SD1WA500012, SD1WA500013, C, T, C còn tổ chức ghi cá độ tỷ số tại quán cà phê số 45 Tú Mỡ, Hòa An từ ngày 22/6/2018 đến ngày 28/6/2018 với tổng cộng là 12 trận đấu, trong đó trận có số tiền cá độ thấp nhất là 6.550.000 đồng là trận Balan gặp Nhật Bản với 12 con bạc tham gia ghi cá độ và trận có số tiền đánh bạc cao nhất là trận Braxin gặp Costarica với số tiền 40.870.000 đồng với 23 con bạc tham gia ghi cá độ. Tổng số tiền đánh bạc là 246.116.000 đồng.

Quá trình tổ chức ghi cá độ tại quán, Nguyễn Văn T và Nguyễn Tấn C thu lợi bất chính 7.000.000 đồng (4). C không thu lợi gì từ việc tổ chức đánh bạc.

Như vậy, số tiền C thu lợi bất chính từ việc tổ chức đánh bạc là: (1)+(2)+(3)+(4) = 63.972.900 đồng.

Số tiền B thu lợi bất chính là 657.100.000 đồng.

Số tiền T thu lợi bất chính là: 7.000.000 đồng.

C không thu lợi bất chính từ việc tổ chức đánh bạc.

- *Hành vi “Đánh bạc” của Lê Thành L*

Vào ngày 22/6/2018, Lê Thành L đến quán cà phê của Nguyễn Tấn C ở địa chỉ số 45 Tú Mỡ, Hòa An, Cẩm Lệ tham gia ghi cá độ bóng đá trực tiếp tại quán với số tiền 3.400.000 đồng mua 02 kèo cá cược trong trận Braxil-Costarica, thắng được 01 kèo với số tiền 2.400.000 đồng. Như vậy, số tiền Lợi dùng để đánh bạc là 5.800.000 đồng. Số tiền thắng cược, Lợi đã nhận trực tiếp từ Nguyễn Tấn C.

Đối với các đối tượng tham gia ghi cá độ bóng đá vào đêm ngày 28/6/2018 tại quán cà phê 45 Tú Mỡ, Hòa An, Cẩm Lệ, bị Cơ quan điều tra bắt quả tang, qua quá trình điều tra làm rõ xác định được như sau:

- Lê Thanh Phú dùng số tiền là 60.000 đồng (*Sáu mươi nghìn đồng*) để tham gia cá độ.

- Trần Anh Khoa tham gia cá cược 04 trận, trận thấp nhất có số tiền 1.100.000 đồng trận, tuy nhiên không có trận nào có số tiền dùng để cá độ từ 5.000.000 đồng trở lên.

- Nguyễn Đôn Tân tham gia cá độ với số tiền là 150.000 đồng

- Lê Hữu Hiền tham gia cá độ với số tiền là 150.000 đồng

- Lưu Khắc Lâm tham gia cá độ với số tiền 800.000 đồng.

- Nguyễn Trường Thọ tham gia cá độ với số tiền 100.000 đồng

- Nguyễn Trường Phú tham gia cá độ với số tiền 100.000 đồng. Ngoài ra, vào tháng 5/2018 Phú tham gia ghi tỷ số trận đấu với số tiền cá cược là 100.000 đồng cho mỗi tỷ số nhưng Phú không nhớ thời gian, trận đấu, tỷ số cá cược đã ghi.

- Lê Đình T tham gia cá độ với số tiền 100.000 đồng.

- Nguyễn Nhân tham gia cá độ với số tiền 1.000.000 đồng.

- Đỗ Văn Trung tham gia cá độ 02 trận với số tiền 1.550.000 đồng.

- Võ Văn Lợi tham gia cá độ với số tiền là 3.000.000 đồng.

- Lê Văn Thủy tham gia cá độ với số tiền là 300.000 đồng.

- Huỳnh Thanh Hùng tham gia cá độ với số tiền là 300.000 đồng. Ngoài ra Hùng còn khai nhận từng tham gia cá cược tại quán ở trận đấu giữa đội Brazil – Costarica với số tiền cá cược là 200.000 đồng và kết quả thu 200.000 đồng

- Nguyễn Văn Côi tham gia đánh bạc với số tiền là 200.000 đồng.

Với nội dung như trên, tại bản án hình sự sơ thẩm số 57/2019/HSST ngày 30/10/2019 Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ đã quyết định:

I. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Tấn B, Nguyễn Tấn C, Nguyễn Văn T và Trần C phạm tội “*Tổ chức đánh bạc*”. Các bị cáo Trần Đình C, Hồ Tấn T, Phan Hữu T, Trần Ngọc Đ, Phạm Diệu T và Lê Thành L phạm tội “*Đánh bạc*”.

1. Căn cứ điểm b, c khoản 2, 3 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Tấn B 03** (Ba) năm **06** (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 12/11/2018. Phạt tiền bổ sung 20.000.000 đồng

2. Căn cứ điểm b, c khoản 2, 3 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Tấn C 02** (Hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 29/6/2018. Phạt tiền bổ sung 10.000.000 đồng

3. Căn cứ điểm c khoản 2, 3 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T 18** (Mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 29/6/2018. Phạt tiền bổ sung 10.000.000 đồng

4. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 Bộ luật hình sự; Điều 327, Điều 328 Bộ luật tố tụng Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trần C C 16** (Mười sáu) tháng **01** (Một) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 29/6/2018 đến ngày 30/10/2019 (đã chấp hành xong hình phạt).

Tuyên trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Trần C C, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

5. Căn cứ điểm b, c khoản 2, 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trần Đình C 03** (Ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án. Phạt tiền bổ sung 20.000.000 đồng

6. Căn cứ điểm c khoản 2, 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Hồ Tấn T 21** (Hai mươi một) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án. Phạt tiền bổ sung 10.000.000 đồng

7. Căn cứ điểm c khoản 2, 3 Điều 321; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Phan Hữu T 21** (Hai mươi một) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án. Phạt tiền bổ sung 10.000.000 đồng

8. Căn cứ điểm c khoản 2, 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trần Ngọc Đ 15** (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án. Phạt tiền bổ sung 10.000.000 đồng

9. Căn cứ điểm c khoản 2, 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Phạm Diệu T 12** (Mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án. Phạt tiền bổ sung 10.000.000 đồng

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên phạt tiền 30.000.000 đồng đối với bị cáo Lê Thành L (bị cáo Lợi không kháng cáo, không bị kháng nghị), về phần xử lý vật chứng và biện pháp T pháp, án phí và thông báo quyền kháng cáo.

Trong hạn luật định:

+ Ngày 10/11/2019, bị cáo Nguyễn Tấn B có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

+ Ngày 01/11/2019, bị cáo Trần Đình C có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

+ Ngày 01/11/2019, bị cáo Hồ Tấn T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

+ Ngày 04/11/2019, bị cáo Phan Hữu T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

+ Ngày 11/11/2019, bị cáo Trần Ngọc Đ có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

+ Ngày 03/11/2019, bị cáo Phạm Diệu T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

+ Ngày 22/11/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Tp. Đà Nẵng có Quyết định kháng nghị số 05/2019/QĐ-VKSĐN; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “ăn năn hối cải” theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và không áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Tấn B, Nguyễn Tấn C, Nguyễn Văn T và Trần C C; đồng thời đề nghị xử tăng hình phạt đối với 4 bị cáo này.

+ Riêng bị cáo Lê Thành L không có kháng cáo, không bị kháng cáo kháng nghị.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

+ Về kháng nghị: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Đà Nẵng giữ nguyên Quyết định kháng nghị, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “ăn năn hối cải” theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và không áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Tấn B, Nguyễn Tấn C, Nguyễn Văn T và Trần C C; đồng thời đề nghị xử tăng hình phạt đối với 4 bị cáo này.

+ Về kháng cáo của bị cáo Nguyễn Tấn B đề nghị không chấp nhận kháng cáo mà chấp nhận kháng nghị xử tăng hình phạt đối với bị cáo B.

+ Đối với kháng cáo của các bị cáo Trần Đình C, Hồ Tấn T, Phan Hữu T, Trần Ngọc Đ và Phạm Diệu T, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Đà Nẵng đề nghị: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo này giữ nguyên bản án sơ thẩm vì các quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm là có căn cứ và đúng pháp luật.

- Các bị cáo B, C, T, C, C, T, Tiến, Đức và Trị thừa nhận hành vi phạm tội và tội danh như bản án sơ thẩm đã kết luận là đúng, không khiếu nại gì về các kết luận của bản án sơ thẩm; các bị cáo B, C, T, Tiến, Đức và Trị giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét; bị cáo B xin giảm nhẹ hình phạt; các bị cáo C, T, Tiến, Đức và Trị xin cho các bị cáo được hưởng án treo hoặc hình phạt không phải tù có thời hạn để các bị cáo có cơ hội lao động cải tạo và giúp đỡ gia đình. Riêng về kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Tp. Đà Nẵng; các bị cáo B, C, T và C cho rằng các bị cáo đã thật sự ăn năn hối cải về hành vi và việc làm của mình nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Tp. Đà Nẵng.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản án sơ thẩm đã nhận định và kết án. Do vậy, có đủ cơ sở kết luận:

Đối với nhóm các bị cáo phạm tội “Tổ chức đánh bạc”: Trong khoảng thời gian từ tháng 01/2018 đến tháng 6/2018, tại quán cà phê số 45 Tú Mỡ, thuộc phường Hòa An, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng thông qua mạng internet; Nguyễn Tấn B, Nguyễn Tấn C, Nguyễn Văn T, Trần C C đã tổ chức cá độ bóng đá cho 22 đối tượng với 80 trận có số tiền đánh bạc từ 5.000.000 đồng trở lên, trong đó có 23 trận có số tiền đánh bạc từ 20.000.000 đồng trở lên, tổng số tiền dùng để đánh bạc là 1.548.222.600 đồng. Số tiền Nguyễn Tấn B thu lợi bất chính là 657.100.000 đồng. Số tiền Nguyễn Tấn C thu lợi bất chính là 63.972.900 đồng. Số tiền Nguyễn Văn T thu lợi bất chính là: 7.000.000 đồng, Trần C C không thu lợi bất chính từ việc tổ chức đánh bạc.

Hành vi của các bị cáo B, C là phạm tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại điểm b, c tại khoản 2 Điều 322 Bộ luật Hình sự, tức là “*Thu lợi bất chính từ 50.000.000 đồng trở lên*” và “*sử dụng mạng Internet, mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử để phạm tội*”. Bị cáo T và bị cáo C đồng phạm giúp sức cho bị cáo C phạm tội, nhưng T chỉ thu lợi bất chính 7.000.000 đồng, còn C không thu lợi bất chính nên T và C đồng phạm tội “Tổ chức đánh bạc” ở tình tiết định khung “*sử dụng mạng Internet, mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương*

tiện điện tử để phạm tội” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 322 Bộ luật Hình sự, như bản án sơ thẩm đã kết luận là đúng.

Đối với nhóm các bị cáo phạm tội “Đánh bạc”: Bị cáo Trần Đình C sử dụng con mạng SD1WA500001 trực tiếp cá độ 37 trận, số tiền cá độ trận thấp nhất là 5.250.000 đồng, cao nhất là 95.750.000 đồng. Bị cáo Hồ Tấn T sử dụng con mạng SD1WA500011 trực tiếp cá độ 12 trận, số tiền cá độ trận thấp nhất là 5.100.000 đồng, cao nhất là 9.210.000 đồng. Bị cáo Phan Hữu T sử dụng con mạng SD1WA500010 trực tiếp cá độ 12 trận, số tiền cá độ trận thấp nhất là 5.340.000 đồng, cao nhất là 10.281.000 đồng. Bị cáo Trần Ngọc Đ trực tiếp sử dụng con mạng SD1WA500006 cá độ 06 trận, số tiền cá độ trận thấp nhất là 5.095.000 đồng, cao nhất là 5.784.000 đồng. Bị cáo Phạm Diệu T trực tiếp sử dụng con mạng SD1WA500004 cá độ 01 trận, số tiền là 7.550.000 đồng. Các con mạng trên đều do bị cáo Nguyễn Tấn C cung cấp.

Hành vi của bị cáo Trần Đình C là phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự, tức là “*Tiền hoặc hiện vật dùng để đánh bạc trị giá 50.000.000 đồng trở lên*” và “*sử dụng mạng Internet, mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử để phạm tội*”. Các bị cáo Hồ Tấn T, Phan Hữu T, Trần Ngọc Đ và Phạm Diệu T phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự, tức là “*sử dụng mạng Internet, mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử để phạm tội*”, như bản án sơ thẩm đã kết luận là đúng.

Ngoài các tình tiết định khung trên; các bị cáo B, C, T, C, C, T, Tiến, Đức còn phạm tội thuộc trường hợp “*từ 2 lần trở lên*” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, riêng bị cáo Trị phạm tội 1 lần như Bản án sơ thẩm đã kết luận là đúng.

[2]. Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Tp. Đà Nẵng, HĐXX nhận thấy:

- Về việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*người phạm tội ăn hối cải*” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo B, C, T và C, HĐXX xét thấy: Đây là vụ án truy xét, trên cơ sở bắt người phạm tội quả tang ngày 22/06/2018 cùng với các tang vật chứng thu giữ được, trên cơ sở điều tra cùng với lời khai của các bị can, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, nhân chứng và các tài liệu điều tra khác chứng minh được: Trong khoảng thời gian từ tháng 01/2018 đến tháng 6/2018, tại quán cà phê số 45 Tú Mỡ, thuộc phường Hòa An, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng thông qua mạng internet; B, C, T và C đã tổ chức cá độ bóng đá cho 22 đối tượng với 80 trận có số tiền đánh bạc từ 5.000.000 đồng trở lên, trong đó có 23 trận có số tiền đánh bạc từ 20.000.000 đồng trở lên, tổng số tiền dùng để đánh bạc là 1.548.222.600 đồng; B thu lợi bất chính là 657.100.000 đồng, C thu lợi bất chính là 63.972.900 đồng, T thu lợi bất chính 7.000.000 đồng, riêng C không thu lợi bất chính.

Tại bản cáo trạng số 26 ngày 09/05/2019 của Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, cũng như phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm ngày 30/10/2019 thể hiện: các cơ quan và người tiến hành tố tụng đều đề nghị Tòa án, Hội đồng xét xử sơ thẩm ghi nhận tình tiết giảm nhẹ “*người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự khi quyết định hình phạt đối với cả 4 bị cáo.

Căn cứ các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, căn cứ biên bản phiên tòa sơ thẩm ngày 30/10/2019 nhận thấy: các bị cáo B, C, T và C sau khi bị phát hiện, bắt giữ đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình cùng đồng bọn diễn ra trong một thời gian dài, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng kết luận; đã thật sự ăn năn hối cải về hành vi và việc làm của mình, quyết tâm sửa chữa lỗi lầm; trước khi xét xử sơ thẩm bị cáo B đã tác động gia đình nộp được 1 phần tiền thu lợi bất chính là 110.000.000 đồng/ 657.100.000 đồng (chưa kể số tiền 65.520.000 đồng thu giữ của bị cáo khi bắt, khám xét); bị cáo C nộp được 7.000.000 đồng/63.972.900 đồng; bị cáo T nộp 5.000.000 đồng/7.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính, riêng C không bị truy thu vì không thu lợi bất chính.

Mặt khác, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo B tiếp tục tác động gia đình nộp thêm 10.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính, nộp đủ số tiền 20.000.000 đồng tiền phạt bổ sung và 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo C nộp đủ số tiền 10.000.000 đồng tiền phạt bổ sung và nộp thêm 10.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính; bị cáo T nộp đủ số tiền 10.000.000 đồng tiền phạt bổ sung và 2.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính theo Quyết định của bản án sơ thẩm, điều này thể hiện các bị cáo đã thật sự ăn năn hối cải, cố gắng khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của mình gây ra nên việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*người phạm tội ăn năn hối cải*” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo này là có căn cứ.

- Về việc áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo B, C, T và C, HĐXX nhận thấy: Do các bị cáo thành khẩn khai báo, thật sự ăn năn hối cải về hành vi và việc làm của mình; bản thân các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, đây là lần đầu bị truy tố, xét xử; gia đình các bị cáo B, C và C đều có thân nhân có C với cách mạng được Nhà nước ghi nhận; trước khi xét xử sơ thẩm các bị cáo B, C và T cũng đã tác động gia đình nộp một phần tiền thu lợi bất chính; sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo này tiếp tục tác động gia đình nộp thêm tiền thu lợi bất chính và tiền phạt bổ sung theo quyết định của bản án sơ thẩm; bị cáo B và C có C việc ổn định và lao động chính trong gia đình, có 02 con còn nhỏ...Xét các bị cáo có 2 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 và có tình tiết giảm nhẹ khác quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên Tòa án áp sơ thẩm đã căn cứ khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để xử phạt cả 4 bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt bị kết án nhưng trong khung hình phạt liền kề là có căn cứ, không trái với quy định tại khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự (trước đây là Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999).

- Về mức hình phạt đối với 4 bị cáo: Xét khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án; cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của từng bị cáo, đã phân hóa vai trò vị trí phạm tội của từng bị cáo; có xét đến nhân thân, hoàn C gia đình, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo để xử phạt bị cáo B 42 tháng tù, C 30 tháng tù, T 18 tháng tù và C 16 tháng 01 ngày tù là có căn cứ nên Tòa án cấp phúc thẩm thấy không cần thiết phải xử tăng hình phạt đối với các bị cáo mà giữ y án sơ thẩm, nhằm thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật Việt Nam.

[3]. Xét kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Tấn B, Trần Đình C, Hồ Tấn T, Phan Hữu T, Trần Ngọc Đ và Phạm Diệu T, HĐXX nhận thấy:

[3.1]. Đối với kháng cáo của bị cáo Nguyễn Tấn B: Xét các quyết định của bản án sơ thẩm về căn cứ pháp luật áp dụng và mức hình phạt 42 tháng tù đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật. Mặc dù, sau khi xử sơ thẩm bị cáo có tác động gia đình nộp thêm tiền thu lợi bất chính, nộp tiền phạt bổ sung và tiền án phí nhưng xét mức án trên là phù hợp, không nặng nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[3.2]. Đối với kháng cáo của các bị cáo Trần Đình C, Hồ Tấn T, Phan Hữu T, Trần Ngọc Đ và Phạm Diệu T, HĐXX nhận thấy: Đây là nhóm các bị cáo phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự. Các Quyết định của bản án sơ thẩm đối với các bị cáo này là có căn cứ và đúng pháp luật. Tuy nhiên:

- Đối với bị cáo Trần Đình C bị xử phạt 03 năm tù; bị cáo Hồ Tấn T bị xử phạt 21 tháng tù và bị cáo Phan Hữu T bị xử phạt 21 tháng tù là có phần nghiêm khắc, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; gia đình bị cáo C, T có C với cách mạng, bị cáo Tiến tự thú; sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo C tiếp tục nộp tiền phạt bổ sung 20.000.000 đồng và 200.000 đồng tiền án phí; bị cáo T tiếp tục nộp tiền phạt bổ sung 10.000.000 đồng và 200.000 đồng tiền án phí, là lao động chính trong gia đình, có vợ và 02 con còn nhỏ; bị cáo Tiến tiếp tục nộp tiền phạt bổ sung 10.000.000 đồng, theo Quyết định của bản án sơ thẩm để thể hiện sự ăn năn hối cải của mình; đây là tình tiết mới cần áp dụng thêm cho các bị cáo nên chấp nhận 1 phần kháng cáo của các bị cáo C, T và Tiến giảm thêm cho bị cáo một phần hình phạt, nhưng không chấp nhận nội dung kháng cáo xin hưởng án treo.

- Đối với bị cáo Trần Ngọc Đ và Phạm Diệu T, HĐXX nhận thấy: Bị cáo Đức sử dụng mạng tham gia đánh bạc 06 trận, số tiền cá độ thấp nhất là 5.095.000 đồng, cao nhất là 5.784.000 đồng, tổng số tiền sử dụng đánh bạc là 32.719.500 đồng; bị cáo Trị sử dụng mạng tham gia đánh bạc 01 trận, số tiền là 7.550.000 đồng. Xét số tiền mà các bị cáo này sử dụng đánh bạc là không lớn; các bị cáo đều lần đầu bị truy tố, xét xử; nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự; quá trình tố tụng đã khai báo thành khẩn, hợp tác với cơ quan tiến hành tố tụng; gia đình đều có C với cách mạng; hiện đều có C việc làm, có nơi cư trú rõ ràng; Đức có vợ và 02 con, Trị có vợ và 01 con còn nhỏ; sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo đã tiếp tục nộp tiền phạt bổ sung

10.000.000 đồng và 200.000 đồng tiền án phí, theo Quyết định của bản án sơ thẩm để thể hiện sự ăn năn hối cải của mình. Do vậy, Tòa án cấp phúc thẩm nhận thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo này ra khỏi xã hội mà căn cứ Điều 54 và Điều 36 Bộ luật hình sự chuyển xử phạt hình phạt cải tạo không giam giữ đối với cả 2 bị cáo này là phù hợp, nhằm thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật Việt Nam.

+ Về vấn đề khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Đức và Trị, HĐXX xét thấy: do các bị cáo có C việc nhưng thu nhập không ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo; nhưng các bị cáo có thể bị Ủy ban nhân dân xã, phường nơi cư trú yêu cầu thực hiện một số C việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian phạt cải tạo không giam giữ; thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ/1 ngày và không quá 5 ngày/1 tuần.

[4]. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[5]. Do được chấp nhận kháng cáo, nên các bị cáo Trần Đình C, Hồ Tấn T, Phan Hữu T, Trần Ngọc Đ và Phạm Diệu T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Riêng bị cáo Nguyễn Tấn B không được chấp nhận kháng cáo nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I/. Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356, điểm c, d khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự; Không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Tp. Đà Nẵng về việc đề nghị tăng hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Tấn B, Nguyễn Tấn C, Nguyễn Văn T và Trần C C; không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Tấn B; chấp nhận 1 phần kháng cáo của bị cáo Trần Đình C, Hồ Tấn T, Phan Hữu T; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Ngọc Đ và bị cáo Phạm Diệu T, sửa một phần bản án sơ thẩm.

1. Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Nguyễn Tấn B 03** (Ba) năm **06** (Sáu) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 12/11/2018.

2. Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Nguyễn Tấn C 02** (Hai) năm **06** (Sáu) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 29/6/2018.

3. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Nguyễn Văn T 18** (Mười tám) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 29/6/2018. (Đã chấp hành xong hình phạt ngày 29/12/2019).

4. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Trần C C 16** (Mười sáu) tháng **01** (Một) ngày tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 29/6/2018 đến ngày 30/10/2019 (đã chấp hành xong hình phạt ngày 30/10/2019).

5. Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Trần Đình C 02** (Hai) năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

6. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Hồ Tấn T 12** (Mười hai) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

7. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 321; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Phan Hữu T 15** (Mười lăm) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

8. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 36 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Trần Ngọc Đ 15** (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và Ủy ban nhân dân xã, phường nơi bị cáo cư trú nhận được hồ sơ thi hành án phạt cải tạo không giam giữ.

Giao Trần Ngọc Đ về cho Ủy ban nhân dân phường Hòa An, quận Cẩm Lệ, Tp. Đà Nẵng quản lý, giám sát, giáo dục trong thời gian phạt cải tạo không giam giữ; gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã, phường trong việc giám sát, giáo dục người bị kết án. Trường hợp người bị kết án thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 68 Luật thi hành án hình sự.

9. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 36 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Phạm Diệu T 12** (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và Ủy ban nhân dân xã, phường nơi bị cáo cư trú nhận được hồ sơ thi hành án phạt cải tạo không giam giữ.

Giao Phạm Diệu T về cho Ủy ban nhân dân phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng quản lý, giám sát, giáo dục trong thời gian phạt cải tạo không giam giữ; gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã, phường trong việc giám sát, giáo dục người bị kết án. Trường hợp người bị kết án thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 68 Luật thi hành án hình sự.

II/. Về xử lý vật chứng và biện pháp T pháp: Ghi nhận sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo **Trần Đình C** nộp số tiền 20.000.000 đồng tiền phạt bổ sung theo biên lai thu tiền số 008031 và 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 008032 ngày 23/12/2019; bị cáo **Trần Ngọc Đ** nộp số tiền 10.000.000 đồng tiền phạt bổ sung theo biên lai thu tiền số 008026 và 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 008028 ngày 18/12/2019; bị cáo **Phạm Diệu T** đã nộp số tiền 10.000.000 đồng tiền phạt bổ sung theo biên lai thu tiền số 008027 và 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 008029 ngày 18/12/2019; gia đình bị cáo **Nguyễn Tấn B** nộp 20.000.000 đồng tiền phạt bổ sung theo biên lai thu số 008033, 10.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính theo biên lai thu số 008034 và 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo biên lai thu số 006450 ngày 27/12/2019; bị cáo **Phan Hữu T** nộp 10.000.000 đồng tiền phạt bổ sung theo biên lai thu số 008040 ngày 31/12/2019; gia đình bị cáo **Nguyễn Tấn C** nộp 10.000.000 đồng tiền phạt bổ sung và 10.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính theo biên lai thu số 008037 ngày 30/12/2019; bị cáo **Nguyễn Văn T** nộp 12.000.000 đồng gồm 10.000.000 đồng tiền phạt bổ sung và 2.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính theo biên lai thu số 008038 ngày 30/12/2019; bị cáo **Hồ Tấn T** nộp 10.200.000 đồng gồm 10.000.000 đồng tiền phạt bổ sung và 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm theo biên lai thu số 008041 ngày 31/12/2019 của Chi cục thi hành án quận Cẩm Lệ, Tp. Đà Nẵng. Tuyên tiếp tục quy trừ số tiền trên để đảm bảo thi hành án.

III/. Về án phí:

- Bị cáo Nguyễn Tấn B phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.
- Các bị cáo Nguyễn Tấn C, Nguyễn Văn T, Trần C C, Trần Đình C, Hồ Tấn T, Phan Hữu T, Trần Ngọc Đ và Phạm Diệu T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

IV/. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND Q. Cẩm Lệ;
- C an Q. Cẩm Lệ;
- PV27; PC81 C an thành phố;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- TAND Q. Cẩm Lệ;
- THADS Q. Cẩm Lệ;
- Sở T pháp TPĐN;
- TB kết quả xét xử;
- Bị cáo;
- Lưu: HS; HCTP.

Trần Minh Long

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Thẩm Phán

Thẩm Phán – Chủ Tọa Phiên Tòa

Dương Thị Hồng Minh

Phan Vĩnh Chuyển

Trần Minh Long